

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SƠN TÂY  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-20

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong suốt năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

- |                          |                                |
|--------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông Hà Ngọc Tân       | Chủ tịch Hội đồng quản trị     |
| 2. Ông Lê Văn Thục       | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 3. Ông Lê Văn Vũ         | Thành viên Hội đồng quản trị   |
| 4. Ông Nguyễn Xuân Huynh | Thành viên Hội đồng quản trị   |
| 5. Ông Nguyễn Hồng Điệp  | Thành viên Hội đồng quản trị   |

#### **Ban Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng**

- |                       |                        |
|-----------------------|------------------------|
| 1. Ông Lê Văn Thục    | Giám đốc               |
| 2. Bà Phùng Thị Nường | Phó Giám đốc điều hành |
| 3. Ông Lê Văn Vũ      | Phó Giám đốc điều hành |
| 4. Bà Vũ Kim Hoa      | Kế toán trưởng         |

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Hà Ngọc Tản**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013*

Số: /2013/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

**Kính gửi:** Các cổ đông; Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Sơn Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 01/03/2013 trình bày từ trang 06 đến trang 20 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 02 và 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Tuy nhiên, cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau**

#### ***Hạn chế về phạm vi***

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty khác. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết liên quan đến các số dư tại ngày 01/01/2012. Theo đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về các số dư tại ngày 01/01/2012 cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2012 nên chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2012. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục thay thế khác, tuy nhiên chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Các khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty tại 31/12/2012 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Các thủ tục thay thế khác không mang lại cho chúng tôi những bằng chứng cần thiết, do đó chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về số liệu các khoản công nợ phải thu, phải trả tại ngày 31/12/2012.

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)**

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính do các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013*

---

**Nguyễn Tuấn Vinh**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 2067/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại 31/12/2012*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52.564.495.042</b>	<b>29.762.645.071</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>30.292.788.305</b>	<b>2.156.602.332</b>
Tiền	111		8.292.788.305	2.156.602.332
Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.506.509.868</b>	<b>20.919.851.882</b>
Phải thu khách hàng	131		18.758.281.268	17.969.082.224
Trả trước cho người bán	132		1.070.000.000	980.000.000
Phải thu nội bộ	133		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5	678.228.600	1.970.769.658
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.637.091.403</b>	<b>1.589.837.617</b>
Hàng tồn kho	141	6	1.637.091.403	1.589.837.617
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>128.105.466</b>	<b>96.353.240</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	96.353.240
Thuế GTGT được khấu trừ	152		115.960.633	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.144.833	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>16.933.635.933</b>	<b>14.877.444.938</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>15.899.371.921</b>	<b>14.477.796.821</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	15.737.213.921	14.389.188.821
- Nguyên giá	222		44.149.723.282	37.758.853.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.412.509.361)	(23.369.664.234)
Tài sản cố định vô hình	227	8	13.550.000	-
- Nguyên giá	228		18.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.450.000)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		148.608.000	88.608.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.034.264.012</b>	<b>399.648.117</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.034.264.012	399.648.117
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>69.498.130.975</b>	<b>44.640.090.009</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
*Tại 31/12/2012*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 01/01/2012
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27.921.849.626</b>	<b>23.353.495.507</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.921.849.626</b>	<b>23.223.665.568</b>
Phải trả người bán	312		2.283.456.000	931.701.753
Người mua trả tiền trước	313		359.361.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	2.618.775.885	1.895.644.823
Phải trả người lao động	315		11.627.200.000	3.388.137.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	4.893.509.746	14.421.531.997
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.139.546.995	2.586.649.995
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>129.829.939</b>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	129.829.939
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.576.281.349</b>	<b>21.286.594.502</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>39.086.975.732</b>	<b>27.468.624.572</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.760.000.000	18.760.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		9.965.000	9.965.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		12.128.757.977	6.226.757.977
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.406.512.000	1.439.512.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.781.740.755	1.032.389.595
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.489.305.617</b>	<b>(6.182.030.070)</b>
Nguồn kinh phí	432		(55.930.000)	(10.656.068.797)
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		2.545.235.617	4.474.038.727
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>69.498.130.975</b>	<b>44.640.090.009</b>

Hà Ngọc Tân  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Vũ Kim Hoa  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>13</b>	<b>103.180.715.815</b>	<b>61.299.390.013</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	14	92.939.872	10.567.545
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>103.087.775.943</b>	<b>61.288.822.468</b>
Giá vốn hàng bán	11	15	71.630.461.566	46.123.782.724
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>31.457.314.377</b>	<b>15.165.039.744</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.354.549.036	699.768.419
Chi phí tài chính	22	17	23.457.778	294.619
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.795.498.183	4.113.985.262
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>25.992.907.452</b>	<b>11.750.528.282</b>
Thu nhập khác	31	18	239.311.393	105.452.791
Chi phí khác	32		-	3.550.000
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>239.311.393</b>	<b>101.902.791</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>26.232.218.845</b>	<b>11.852.431.073</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	4.590.638.298	2.963.107.768
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>21.641.580.547</b>	<b>8.889.323.305</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>20</b>	<b>11.536</b>	<b>4.738</b>

---

Hà Ngọc Tân  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

---

Vũ Kim Hoa  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	66.209.008.258	55.044.437.368
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(28.984.163.527)	(25.337.575.735)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(20.088.462.500)	(20.657.279.400)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(23.457.778)	(294.619)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5	(1.763.107.768)	(2.725.973.808)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	24.821.807.639	20.635.105.600
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(4.074.301.160)	(27.496.097.664)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>36.097.323.164</b>	<b>(537.678.258)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.671.054.227)	(3.318.223.100)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	33.436.000	74.154.300
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.354.549.036	488.219.419
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(5.283.069.191)</b>	<b>(2.755.849.381)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.940.000.000	700.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.940.000.000)	(700.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.678.068.000)	(2.100.877.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.678.068.000)</b>	<b>(2.100.877.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>28.136.185.973</b>	<b>(5.394.404.639)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.156.602.332</b>	<b>7.551.006.971</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>30.292.788.305</b>	<b>2.156.602.332</b>

Hà Ngọc Tân  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

Vũ Kim Hoa  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 10 tháng 07 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Môi trường và Công trình Đô thị Sơn Tây thành Công ty Cổ phần. Ngày 25 tháng 09 năm 2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số: 0103026959. Ngày 01 tháng 11 năm 2011, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất do thay đổi vốn điều lệ với mã số doanh nghiệp: 0500239004.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 02 đường Phùng Hưng, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 18.760.000.000 đồng (được chia thành 1.876.000 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng); trong đó: Công ty TNHH Nhà nước MTV Môi trường đô thị (là đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước) nắm giữ 485.893 cổ phần (tương đương 25,9% vốn điều lệ); các cổ đông khác nắm giữ 1.390.107 cổ phần (tương đương 74,1% vốn điều lệ).

**1.2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2012 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường;
- Quản lý vận hành hệ thống thoát nước đô thị;
- Quản lý vận hành hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông công cộng;
- Quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh thảm cỏ đường phố, đảo giao thông;
- Quản lý nghĩa trang dân nhân làm các dịch vụ tang lễ;
- Xây dựng, sửa chữa vừa và nhỏ các công trình hạ tầng đô thị như: vỉa hè, thoát nước, đường nội thị, điện chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ;
- Kinh doanh dịch vụ giải trí trong công viên;
- Kinh doanh hoa, cây cảnh;
- Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải công nghiệp, rác thải độc hại;
- Xử lý môi trường làng nghề.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**3.5 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

**3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán có thời gian sử dụng ước tính là 03 năm kể từ ngày đưa vào sử dụng.

**3.7 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận theo thông báo hàng kỳ của ngân hàng và tiền thực thu được, và xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

**3.8 GHI NHẬN CHI PHÍ**

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.

**3.9 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Công ty có các hoạt động chịu thuế và không chịu thuế. Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với các hoạt động chịu thuế của Công ty là 10%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.9 THUẾ (TIẾP)**

Công ty thuộc đối tượng được miễn giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế về tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, theo đó Công ty được giảm 30% số thuế phải nộp năm 2012.

Các hoạt động kinh doanh khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 25%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	106.706.847	19.719.322
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.186.081.458	2.136.883.010
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng	22.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.292.788.305</b>	<b>2.156.602.332</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật	676.608.600	-
Ban Quản lý dự án nghĩa trang	1.620.000	-
Trung tâm kỹ thuật TNMT Hà Nội	-	127.492.000
Ban Bồi thường GPMB thị xã Sơn Tây	-	1.773.256.000
Bảo hiểm xã hội thị xã Sơn Tây	-	25.186.658
Cán bộ Công nhân viên trong Công ty	-	44.835.000
<b>Cộng</b>	<b>678.228.600</b>	<b>1.970.769.658</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	452.032.644	366.527.469
Công cụ, dụng cụ	8.350.000	10.100.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	158.886.900	852.750.875
Thành phẩm	1.017.821.859	360.459.273
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>1.637.091.403</b>	<b>1.589.837.617</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa	TSCĐ	Phương tiện	Thiết bị	TSCĐ	Tổng cộng
	vật kiến trúc	công cộng	vận tải	dụng cụ	khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>2.047.254.200</b>	<b>13.504.323.014</b>	<b>21.656.845.041</b>	<b>211.992.700</b>	<b>338.438.100</b>	<b>37.758.853.055</b>
- Mua trong năm	1.943.578.000	-	4.167.163.636	89.709.091	470.603.500	6.671.054.227
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	280.184.000	-	-	280.184.000
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>3.990.832.200</b>	<b>13.504.323.014</b>	<b>25.543.824.677</b>	<b>301.701.791</b>	<b>809.041.600</b>	<b>44.149.723.282</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>894.643.764</b>	<b>9.030.284.287</b>	<b>13.255.614.989</b>	<b>172.243.327</b>	<b>16.877.867</b>	<b>23.369.664.234</b>
- Khấu hao trong năm	422.043.192	1.928.803.110	2.775.926.022	40.067.385	156.189.418	5.323.029.127
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	280.184.000	-	-	280.184.000
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>1.316.686.956</b>	<b>10.959.087.397</b>	<b>15.751.357.011</b>	<b>212.310.712</b>	<b>173.067.285</b>	<b>28.412.509.361</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>1.152.610.436</b>	<b>4.474.038.727</b>	<b>8.401.230.052</b>	<b>39.749.373</b>	<b>321.560.233</b>	<b>14.389.188.821</b>
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>2.674.145.244</b>	<b>2.545.235.617</b>	<b>9.792.467.666</b>	<b>89.391.079</b>	<b>635.974.315</b>	<b>15.737.213.921</b>

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 16.473.997.141 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
<b>Tại 01/01/2011</b>		-
- Tặng khác	18.000.000	18.000.000
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>18.000.000</b>	<b>18.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Tại 01/01/2011</b>		-
- Khấu hao trong năm	4.450.000	4.450.000
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>4.450.000</b>	<b>4.450.000</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
<b>Tại 01/01/2011</b>	-	-
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>13.550.000</b>	<b>13.550.000</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Xe gom rác, bánh thay thế	476.974.052	-
Bộ xích máy ủi	180.660.416	-
Sửa chữa phương tiện vận tải	168.223.019	-
Nâng cấp trạm cân điện tử	45.469.875	-
Đồ dùng trang thiết bị văn phòng khác	162.936.650	399.648.117
<b>Cộng</b>	<b>1.034.264.012</b>	<b>399.648.117</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Thuế GTGT	-	28.608.055
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.556.651.168	1.763.107.768
Thuế thu nhập cá nhân	62.124.717	103.929.000
<b>Cộng</b>	<b>2.618.775.885</b>	<b>1.895.644.823</b>

**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	3.132.550.600	1.683.418.600
Công ty Xây dựng và CBL S Đông Quang	-	1.700.000.000
Kinh phí các dự án	-	10.515.776.797
Kinh phí vệ sinh môi trường bị truy thu	1.225.555.719	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	535.403.427	522.336.600
<b>Cộng</b>	<b>4.893.509.746</b>	<b>14.421.531.997</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**12.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2011</b>	<b>11.256.000.000</b>	-	<b>3.559.960.977</b>	<b>550.580.000</b>	<b>67.005.173.426</b>	<b>422.501.177</b>	<b>82.794.215.580</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	8.889.323.305	8.889.323.305
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(2.501.333.000)	(2.501.333.000)
- Trích lập quỹ	-	-	2.666.797.000	888.932.000	-	(5.778.101.887)	(2.222.372.887)
- Tăng vốn trong năm	7.504.000.000	9.965.000	-	-	-	-	7.513.965.000
- Giảm khác	-	-	-	-	(67.005.173.426)	-	(67.005.173.426)
<b>Tại 31/12/2011</b>	<b>18.760.000.000</b>	<b>9.965.000</b>	<b>6.226.757.977</b>	<b>1.439.512.000</b>	-	<b>1.032.389.595</b>	<b>27.468.624.572</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>18.760.000.000</b>	<b>9.965.000</b>	<b>6.226.757.977</b>	<b>1.439.512.000</b>	-	<b>1.032.389.595</b>	<b>27.468.624.572</b>
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	21.641.580.547	21.641.580.547
- Trích lập quỹ	-	-	5.902.000.000	1.967.000.000	-	(12.788.000.000)	(4.919.000.000)
- Tạm chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.127.200.000)	(4.127.200.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(977.029.387)	(977.029.387)
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>18.760.000.000</b>	<b>9.965.000</b>	<b>12.128.757.977</b>	<b>3.406.512.000</b>	-	<b>4.781.740.755</b>	<b>39.086.975.732</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12.2. Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	18.760.000.000	18.760.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	18.760.000.000	18.760.000.000

**12.3. Cổ phiếu**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.876.000	1.876.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.876.000	1.876.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.876.000	1.876.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.876.000	1.876.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<b>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**12.4. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Tại 01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	4.858.930.000	4.858.930.000
Vốn góp của Cổ đông khác	13.901.070.000	13.901.070.000
<b>Cộng</b>	<b>18.760.000.000</b>	<b>18.760.000.000</b>

**13. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>103.180.715.815</b>	<b>61.299.390.013</b>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động công ích	99.198.936.517	58.214.705.687
- Doanh thu xây lắp điện	406.042.989	161.452.380
- Doanh thu khác	3.575.736.309	2.923.231.946

**14. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>92.939.872</b>	<b>10.567.545</b>
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	92.939.872	10.567.545

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng bán	71.630.461.566	46.123.782.724
<b>Cộng</b>	<b>71.630.461.566</b>	<b>46.123.782.724</b>

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.354.549.036	699.768.419
<b>Cộng</b>	<b>1.354.549.036</b>	<b>699.768.419</b>

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	23.457.778	294.619
<b>Cộng</b>	<b>23.457.778</b>	<b>294.619</b>

**18. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thanh lý tài sản	109.481.454	105.452.791
Thu nhập khác	129.829.939	-
<b>Cộng</b>	<b>239.311.393</b>	<b>105.452.791</b>

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	26.232.218.845	11.852.431.073
Thu nhập chịu thuế	26.232.218.845	11.852.431.073
Thuế suất thuế thu nhập hiện hành	25%	25%
Thuế phải nộp tính theo thuế suất hiện hành	6.558.054.711	2.963.107.768
Ảnh hưởng của miễn giảm thuế	1.967.416.413	-
- Giảm thuế theo chính sách hỗ trợ của NN	1.967.416.413	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>4.590.638.298</b>	<b>2.963.107.768</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.641.580.547	8.889.323.305
Biến động vốn trong năm		
+ CP đầu kỳ	1.876.000	1.876.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.876.000	1.876.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>11.536</u></b>	<b><u>4.738</u></b>

**21. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

\_\_\_\_\_  
**Hà Ngọc Tân**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

\_\_\_\_\_  
**Vũ Kim Hoa**  
Kế toán trưởng